

*Phụ lục số II***BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Năm báo cáo: 2011

I. Lịch sử hoạt động của Công ty**1. Những sự kiện quan trọng**

+ Việc thành lập: Công ty Cổ phần Công trình Viettel được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 09 tháng 06 năm 2010 và cấp đăng ký thay đổi lần 01 ngày 11 tháng 11 năm 2010 tại Phòng Đăng ký kinh doanh số 01 – Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty CP Công trình Viettel được chuyển đổi (cổ phần hoá) từ Công ty TNHH Nhà nước một Thành viên Công trình Viettel (MSDN: 0100109106-071, do Sở KHĐT TP Hà Nội cấp ngày 25/01/2006) theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

+ Niêm yết: Công ty CP Công trình Viettel chưa thực hiện việc niêm yết trên thị trường chứng khoán;

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh:

STT	Ngành nghề kinh doanh
1	Sản xuất sản phẩm chịu lửa
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét

3	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
4	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
5	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
6	Đúc sắt thép
7	Sản xuất các cấu kiện kim loại
8	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
9	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
10	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính
11	Sản xuất thiết bị truyền thông
12	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
13	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác
14	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
15	Sửa chữa thiết bị điện
16	Xây dựng nhà các loại
17	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
18	Xây dựng công trình công ích
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
20	Phá dỡ
21	Chuẩn bị mặt bằng
22	Lắp đặt hệ thống điện
23	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
24	Hoàn thiện công trình xây dựng
25	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
26	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
27	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
28	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

29	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
30	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
31	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
32	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
33	Hoạt động viễn thông có dây
34	Hoạt động viễn thông không dây
35	Hoạt động viễn thông khác
36	kiểm tra và phân tích kỹ thuật
37	Kinh doanh bất động sản
38	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
39	Sửa chữa thiết bị liên lạc
40	Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông;
41	Khai thác và thu gom than cứng;
42	Khai thác và thu gom than non;
43	Khai thác quặng sắt;
44	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
45	Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
46	Khai thác cát đá sỏi, đất sét;
47	Khai thác khoáng hoá chất và phân bón;
48	Khai thác và thu gom than bùn;
49	Khai thác muối;
50	Hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
51	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
52	Sản xuất sắt, thép, gang;
53	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
54	Đúc kim loại màu;

55	Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
56	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa;
57	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
58	Bốc xếp hàng hoá;
59	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hàng không);
60	Kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông;

+ Tình hình hoạt động: năm 2011, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty CP Công trình Viettel đã quản trị và điều hành Công ty hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật nói chung và Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty nói riêng.

3. Định hướng phát triển

- Mục tiêu hoạt động của Công ty là trở thành công ty xây lắp và bảo dưỡng chuyên ngành viễn thông hàng đầu tại Việt Nam.

- Tập chung nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh cho phù hợp với nhiệm vụ kế hoạch và chiến lược phát triển trong tương lai.

- Khai thác những thế mạnh hiện có của Công ty, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng và tay nghề. Có chế độ khuyến khích và phát triển đội ngũ quản lý và kỹ thuật có trình độ cao, có đạo đức và nhiệt huyết để hoàn thiện bộ máy hoạt động của Công ty.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Doanh thu đạt 117% kế hoạch và lợi nhuận đạt 132% kế hoạch, so năm 2010 giảm 16% về doanh thu nhưng kết quả này là rất đáng ghi nhận trong bối

cảnh nền kinh tế nói chung và với khối doanh nghiệp nói riêng, tỷ lệ lạm phát tăng cao, lãi suất tăng, thị trường ngoại hối bất bình làm tăng chi phí sản xuất.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	Tỷ lệ TH/KH
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	238.000	238.000	100%
Doanh thu	1.228.126	1.436.257	117%
Lợi nhuận trước thuế	61.785	81.318	132%
Tỷ lệ trả cổ tức	12%/năm		

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm: Năm 2011 là năm thứ nhất Công ty hoạt động theo hình thức cổ phần trọn vẹn từ đầu năm. Cơ cấu bộ máy công ty trong năm 2011 có nhiều thay đổi, đặc biệt là việc tiếp nhận lực lượng Trung tâm tích hợp hệ thống của Công ty Công nghệ về, thành lập Trung tâm Dịch vụ và Công nghệ mới và theo sự phát triển của Tập đoàn, thành lập Công ty con tại Haiti, Peru để thực hiện nhiệm vụ xây lắp hạ tầng mạng lưới của Tập đoàn nước ngoài.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Công ty sẽ tham gia xây lắp, bảo dưỡng các công trình viễn thông tại các nước mà Tập đoàn đầu tư.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính tóm tắt

Cơ cấu tài sản, nguồn vốn

đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	% Tăng/giảm
Tổng tài sản	1.400.575	1.462.175	
Tài sản ngắn hạn	1.320.924	1.376.231	104%

Tài sản dài hạn	79.651	85.944	108%
Tổng nguồn vốn	1.400.575	1.462.175	104%
Nợ phải trả	1.088.957	1.093.702	101%
Vốn chủ sở hữu	311.618	368.473	118%

Chỉ số tài chính

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
1	Chỉ tiêu khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,32	1,52
	Hệ số thanh toán nhanh	0,51	0,61
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,72	0,62
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	3,22	2,46
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho	1,95	1,60
	Vòng quay khoản phải thu	3,57	3,52
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Hệ số LNST/Tổng doanh thu	6,02%	4,53%
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	35%	17,67%
	Hệ số LNST/Tổng tài sản	7,47%	4,45%
5	Thu nhập/Cổ phiếu		
	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu(đồng/cp)	2.042	2.736

Tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2011

CHỈ TIÊU	01/01/2011	31/12/2011
TỔNG TÀI SẢN	1.400.575	1.462.175
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.954	143.072

Các khoản phải thu ngắn hạn	479.386	402.205
Hàng tồn kho	804.905	822.795
Tài sản ngắn hạn khác	9.680	8.161
Các khoản phải thu dài hạn khác	604	121
Tài sản cố định hữu hình	19.103	32.146
Tài sản cố định vô hình	15.729	22.904
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15.325	
Chi phí trả trước dài hạn khác	28.889	30.771
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
TỔNG NGUỒN VỐN	1.400.575	1.462.175
Nợ ngắn hạn	1.002.261	905.719
Nợ dài hạn	86.696	187.983
Vốn chủ sở hữu	311.618	368.449
Lợi ích của cổ đông thiểu số		24

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2011 tiếp tục là một năm thách thức lớn đối với doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty CP Công trình Viettel nói riêng khi thế giới có khá nhiều biến động:
 - Thị trường giá cả vật tư vẫn có biến động lớn, đặc biệt là giá xăng dầu;
 - Công tác tham mưu, đôn đốc điều hành và truyền thông về quy trình thi công, nghiệm thu, Hoàn công quyết toán, chất lượng và tiến độ chưa thường xuyên, hiệu quả;
 - Chất lượng thi công còn chưa cao, còn có lỗi lắp đặt ảnh hưởng tới chất lượng mạng lưới;
- Năm 2011 tiếp tục đánh dấu một năm hoạt động có hiệu quả của Công ty khi hoàn thành 117% kế hoạch doanh thu đạt mức 1.436 tỷ đồng và vượt mức 32% kế hoạch về lợi nhuận đạt mức 81,3 tỷ đồng.



TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	% hoàn thành KH	So với 2010
1	Tổng giá trị Tài sản	1.400.575	1.589.161	1.462.175	91%	-8%
2	Vốn chủ sở hữu	238.000	238.000	238.000	100%	0%
3	Doanh thu	1.738.943	1.228.129	1.436.257	117%	-16%
4	Chi phí	1.599.360	1.166.341	1.354.939	116%	-15%
5	Lợi nhuận trước thuế	139.583	61.788	81.318	132%	-27%
6	Lao động bình quân DS	692	800	736	92%	6%
7	Tiền lương bình quân	12,4	7,7	12,3	161%	-1%
8	Thu nhập bình quân	13,6	9,1	13,7	152%	1%
9	Năng suất LĐ trong DS	2.461	1.535	1.945	127%	-21%
10	Năng suất LĐ toàn Cty	2.047	1.332	1.642	123%	-20%
11	Tổng giá trị đầu tư	33.561	42.230	19.629	61%	-48%
12	Khấu hao TSCĐ	13.954	16.879	14.735	71%	-16%
13	LN sau thuế/Vốn CSH	35%	19%	17,7%	131%	-27%
14	Tỷ lệ trả cổ tức	15%	14%		107%	0%

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Doanh thu cả năm đạt 117% so với kế hoạch được phê duyệt;
- Thi công xây lắp hạ tầng BTS 2G và 3G cơ bản đều đạt tiến độ đề ra;
- Đầu tư xây dựng và thi công các công trình bên ngoài Tập đoàn, thi công tại thị trường Haiti, Peru

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Nâng cao chất lượng thi công xây lắp, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ xây lắp hạ tầng mạng lưới của Tập đoàn.
- Xây dựng bộ máy chuyên nghiệp, gọn nhẹ phù hợp với mô hình công ty cổ phần. Tăng sức cạnh tranh, dần tạo lập vị thế và thương hiệu.
- Đầu tư, phát triển các ngành nghề mới, nâng dần tỷ trọng doanh thu bên ngoài.

- Xây dựng bộ máy, nghiên cứu, đào tạo thi công xây lắp các công trình truyền hình.

IV. Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và đã gửi cùng báo cáo kiểm toán năm 2011 cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán & được đính kèm tại các trang cuối của báo cáo này.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VNAA);

- Các ý kiến nhận xét, đã gửi kèm trong Báo cáo tài chính năm 2011 tới Ủy ban chứng khoán NN, ý kiến kiểm toán độc lập : Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan;

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ thống nhất với số liệu báo cáo của công ty đã được kiểm toán.

VI. Các công ty có liên quan :

- Tập đoàn Viễn thông Quân đội là đơn vị góp vốn vào Công ty với cơ cấu vốn góp chiếm 72,06% vốn điều lệ, tương ứng 171.500.000.000 VNĐ;

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bao gồm:

+ Đại hội đồng Cổ đông;



+ Hội đồng quản trị: 05 thành viên

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
Ông Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	Đại học
Bà Phạm Thị Hồng (miễn nhiệm 30/6/2011)	Thành viên HĐQT	Đại học
Bà Đào Thúy Hương (được bầu 30/6/2011)	Thành viên HĐQT	Đại học
Ông Tô Văn Hùng	Thành viên HĐQT	Đại học
Ông Trần Đình Hà	Thành viên HĐQT	Đại học
Ông Nguyễn Văn Thức	Thành viên HĐQT	Đại học

+ Ban kiểm soát: 03 thành viên

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
Ông Hoàng Tuấn Linh (miễn nhiệm 30/6/2011)	Trưởng BKS	Đại học
Bà Đặng Kim Hoa (được bầu 30/6/2011)	Trưởng BKS	Đại học
Bà Trương Thu Hà (được bầu 30/6/2011)	Thành viên BKS	Đại học
Ông Nguyễn Hữu Hải (miễn nhiệm 30/6/2011)	Thành viên BKS	Đại học
Ông Lưu Đình Nguyễn (được bầu 30/6/2011)	Thành viên BKS	Đại học

+ Ban điều hành.

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
Ông Tô Văn Hùng	Giám đốc	Đại học
Ông Trần Đình Hà	Phó giám đốc	Đại học

Ông Nguyễn Văn Thức	Phó giám đốc	Đại học
Ông Vũ Phương Tây	Phó giám đốc	Đại học
Ông Nguyễn Hữu Toàn (bổ nhiệm ngày 27/07/2011)	Phó giám đốc	Cao đẳng

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Chức vụ	Trình độ	
					Chuyên môn	Chính trị
1	Tô Văn Hùng	1956	Lô26D-Đường Nguyễn Phong Sắc kéo dài - phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Hà Nội	Giám đốc	Đại học	Cao cấp
2	Trần Đình Hà	1963	Phòng 502 - G1 - Phường Vĩnh Phúc - Quận Ba Đình - Hà Nội.	Phó giám đốc	Đại học	Cao cấp
3	Nguyễn Văn Thức	1959	Tổ 37 - Phường Láng hạ - Đống đa - Hà Nội.	Phó giám đốc	Đại học	Cao cấp
4	Vũ Phương Tây	1978	Tập thể Bộ Xây dựng - Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.	Phó giám đốc	Đại học	Cao cấp
5	Nguyễn Hữu Toàn	1967	Số 2 - ngõ 1 Vạn Phúc - Ba Đình- Hà Nội.	Phó giám đốc	Cao đẳng	Sơ cấp

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

+ Tổng số người lao động: 787 người lao động

+ Công ty thực hiện công tác chi trả lương cho CBCNV theo đúng quy định, lương hưởng trên cơ sở chức danh đảm nhiệm và mức độ hoàn thành công việc hàng tháng. Quyết toán quỹ lương theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch SXKD, tỷ lệ năng suất lao động thực hiện so với kế hoạch của từng đơn vị.

VIII. Thông tin cổ đông góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Hoạt động của HĐQT: các thành viên HĐQT thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005, Điều lệ Công ty và Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hoạt động của Ban kiểm soát: các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện kiểm soát công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, BKS

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao/tháng	Tổng thù lao
I	Hội đồng quản trị		11.000.000	132.000.000
1	Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	3.000.000	36.000.000 (12 tháng)
2	Phạm Thị Hồng	Thành viên HĐQT	2.000.000	12.000.000 (6 tháng)
3	Đào Thúy Hương	Thành viên HĐQT	2.000.000	12.000.000 (6 tháng)
4	Tô Văn Hùng	Thành viên HĐQT	2.000.000	24.000.000 (12 tháng)
5	Trần Đình Hà	Thành viên HĐQT	2.000.000	24.000.000 (12 tháng)
6	Nguyễn Văn Thức	Thành viên HĐQT	2.000.000	24.000.000 (12 tháng)
II	Ban Kiểm soát		4.000.000	48.000.000
1	Hoàng Tuấn Linh	Trưởng ban BKS	2.000.000	12.000.000 (6 tháng)
2	Đặng Kim Hoa	Trưởng ban BKS	2.000.000	12.000.000 (6 tháng)

3	Đặng Kim Hoa	Thành viên BKS	1.000.000	6.000.000 (6 tháng)
4	Trương Thu Hà	Thành viên BKS	1.000.000	6.000.000 (6 tháng)
5	Nguyễn Hữu Hải	Thành viên BKS	1.000.000	6.000.000 (6 tháng)
6	Lưu Đình Nguyễn	Thành viên BKS	1.000.000	6.000.000 (6 tháng)
	Tổng cộng		15.000.000	180.000.000

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

a/ Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

Tổng số cổ đông có đến 31/12/2011 là : 1.740 cổ đông, trong đó :

- + Cổ đông thuộc doanh nghiệp Nhà nước: 01 cổ đông
- + Cổ đông thuộc pháp nhân khác: 02 cổ đông
- + Cổ đông là tổ chức Công đoàn : 01 cổ đông
- + Cổ đông là cá nhân : 1.736 cổ đông.

b/ Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn

Tập đoàn Viễn thông Quân đội là cổ đông lớn của Công ty

- Địa chỉ: Số 1 Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội;

- Tập đoàn Viễn thông Quân đội được thành lập theo quyết định số: 2097/2009/QĐ-TT của Thủ tướng Chính phủ ký vào ngày 14/12/2009, là doanh nghiệp kinh tế quốc phòng 100% vốn nhà nước với số vốn điều lệ 50.000 tỷ đồng, có tư cách pháp nhân, có con dấu và điều lệ riêng. Hoạt động kinh doanh : Cung cấp dịch vụ viễn thông, Truyền dẫn, Bưu chính, Phân phối thiết bị đầu cuối, Đầu tư tài chính, Truyền thông, Đầu tư bất động sản, Xuất nhập khẩu, Đầu tư nước ngoài.

15300
T T
H N
I H H
L
H A N O I

- Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp dịch vụ Viễn thông; Truyền dẫn; Bưu chính; Phân phối thiết bị đầu cuối; Đầu tư tài chính; Truyền thông; Đầu tư Bất động sản; Xuất nhập khẩu; Đầu tư nước ngoài.

- Số cổ phần nắm giữ 17.150.000 cổ phần tương ứng với 171.500.000.000 đồng, chiếm 72,06% vốn điều lệ.

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : Công ty không có cổ đông góp vốn nước ngoài.

* *Kèm bản chụp báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định tại các trang tiếp theo.*

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH VIETTEL ✓



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trung tá. Nguyễn Văn Chức

C.T.C.P.